

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS - PT

Ngày: 19/3/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân

Các thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Dung (Tòa GD&NCTN)

2. Bà Lê Thị Dung (Tòa HS)

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký TAND tỉnh Thanh

Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Mai Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, do bị đơn kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:02/2025/QĐ - PT ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Vĩnh L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Lê Thế L1 – Sinh năm 1988 “Có mặt”

Địa chỉ: L, L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Ngô Văn C, sinh năm 1972 “Có mặt”

Địa chỉ: Bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;

- Người làm chứng:

- Anh Hà Văn T, sinh năm 1980; trú tại bản V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Lê Thế L1, sinh năm 1988; trú tại Bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Vi Văn H, sinh năm 1983; trú tại bản T, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (Vắng mặt).

- Anh Lê Văn T1, sinh năm 1989; trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1993; trú tại thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Đỗ Đình N, sinh năm 1989; trú tại bản C, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Anh Hà Văn L2, sinh năm 1998; trú tại bản V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng từ năm 2019, anh Ngô Văn C đến nhà anh L thống nhất bằng miệng là anh C đi tìm mua gỗ keo về bán lại cho anh L. Trong quá trình đi mua gỗ keo, do không có đủ tiền nên anh C đã nhiều lần đến vay tiền của anh. Thời gian đầu thì anh C mua gỗ keo về bán lại cho anh đều đặn. Đến khoảng giữa năm 2021 anh C lại tiếp tục vay của anh số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) để mua đôi gỗ keo của anh Hà Văn T có địa chỉ tại bản V, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Khi anh C đến hỏi vay tiền thì anh C có nói vay để mua gỗ keo của anh T nên anh gọi điện cho anh T để xác minh xem có đúng anh C mua gỗ keo nhà anh T không thì mới cho anh C vay tiền. Khi được anh T xác nhận là đúng và bán đôi keo với giá 110.000.000đ thì anh đã cho anh C vay số tiền 110.000.000đ để trả cho anh T. Anh T đã thống nhất với anh C là số tiền anh C vay nêu trên anh T sẽ đến lấy tiền tại nhà anh.

Trong quá trình anh C khai thác gỗ keo về bán lại cho anh thì anh C có vay thêm tiền của anh để trả tiền công cho công nhân, thuê xe vận chuyển, san lấp đường và các chi phí cá nhân khác. Quá trình anh C khai thác gỗ keo mua nhà anh T về bán lại cho anh được phần lớn nhưng sau đó lại bán gỗ keo cho người khác mà không bán cho anh nữa. Đến khoảng đầu năm 2022, anh và anh C đã đối chiếu số tiền anh C đã vay anh cả nhiều lần trước đó sau khi trừ đi tiền anh C bán gỗ keo cho anh thì chốt lại số tiền anh C còn nợ anh là 116.000.000đ. Anh C có hẹn vài ngày sau sẽ trả tiền cho anh nhưng sau đó anh C không trả tiền như đã hẹn. Sau một thời gian anh đã đòi nợ nhiều lần nhưng anh C cứ vẫn khát nợ và trốn tránh không trả tiền mà còn có lời lẽ thách thức anh nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án

giải quyết buộc anh C phải trả cho anh số tiền còn nợ là 116.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Ngày 05/7/2024, anh L có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn, mà chỉ đề nghị Tòa án buộc anh Ngô Văn C trả số tiền gốc còn nợ là 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng).

*** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải, bị đơn anh Ngô Văn C trình bày:**

Khoảng từ năm 2019, anh và anh Lê Vĩnh L hợp tác làm ăn với nhau. Anh L3 là người bỏ tiền vốn còn anh là người đi tìm gỗ keo để giao dịch mua bán. Khi nào anh liên hệ tìm được người muốn mua, bán gỗ keo thì anh sẽ báo cho anh L3 để anh L3 trực tiếp thanh toán, những lần đó anh L3 vẫn chưa thanh toán tiền công cho anh.

Đối với giấy vay tiền mà anh L3 giao nộp cho Toà án thì anh công nhận trong mục người vay tiền là chữ ký của anh nhưng thực chất số tiền đó anh không được cầm mà đó là tiền do anh L3 mua đôi keo của nhà anh T, giữa anh L3 và anh T tự thanh toán với nhau. Anh và anh L3 làm ăn chung với nhau nên anh L3 nói anh đứng ra để có trách nhiệm với đôi keo của nhà anh T nên giữa anh với anh L3 mới viết giấy vay nợ là 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng). Thực chất số gỗ keo mua nhà anh T thì anh L3 vẫn làm mà không chuyển nhượng lại cho anh.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, anh C trình bày: Khoảng vào năm 2019, anh và anh L3 có thỏa thuận miệng với nhau là anh sẽ đi mua gỗ keo về bán lại cho anh L3. Khi tìm được gỗ keo thì anh sẽ vay tiền của anh L3 để thanh toán cho chủ keo rồi khai thác keo về bán lại cho anh L3 và đôi chiếu tiền vay của anh L3. Từ năm 2019 anh có vay tiền của anh L3 nhiều lần, các lần vay ứng tiền thì anh L3 có ghi vào trong sổ, nhưng sau đó anh đã khai thác gỗ keo về bán lại cho anh L3 và đã trả hết nợ cho anh L3, đến nay anh L3 vẫn còn nợ anh số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Khoảng tháng 9 hoặc tháng 10 năm 2021, khi anh biết nhà anh Hà Văn T có keo bán nên anh đến hỏi mua. Sau khi thống nhất thì anh T bán cho anh đôi keo với số tiền là 110.000.000đ, do anh không có tiền nên anh bảo anh L3 đưa cho anh T, nhưng số keo mua nhà anh T là anh với anh L3 làm chung, sau đó anh L3 khai thác và không thanh toán tiền cho anh. Đối với giấy vay số tiền 116.000.000đ mà anh ký với anh L3 là bao gồm cả tiền vay mua đôi keo nhà anh T cộng với cả tiền anh vay, ứng để trả tiền thuê nhà và chi phí lật vật khác.

Nay anh L3 khởi kiện yêu cầu anh phải trả cho anh L3 số tiền 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng) thì anh không đồng ý vì giữa anh với anh L3 không vay nợ tiền gì với nhau, đồng thời anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tường trình, bản tự khai, người làm chứng là anh Hà Văn T trình bày: Vào khoảng năm 2021, anh Ngô Văn C có đến nhà anh để hỏi mua gỗ keo và đi kiểm tra đôi keo của nhà anh. Sau khi kiểm tra thì anh C đã đồng ý mua đôi keo

của nhà anh với giá 110.000.000đ. Anh có hỏi anh C mua keo về bán cho ai thì anh C nói là mua keo về bán lại cho anh L3. Anh có hỏi anh C là có tiền trả cho anh một lần không thì anh C trả lời là mua keo về bán lại cho anh L3 nên anh C vay tiền của anh L3 để trả tiền keo, nên anh đã liên hệ với anh L3 xác minh xem có đúng như vậy không. Khi được anh L3 trả lời là đúng thì anh mới đồng ý bán đôi keo cho anh C. Nhưng vì không tin tưởng anh C nên anh đã nói anh L3 đừng đưa tiền trực tiếp cho anh C chứ không anh C tiêu xài hết lại không đưa đủ tiền cho anh nên anh L3 đã đồng ý vào bảo anh lên nhà lấy tiền. Anh C cũng đã đồng ý để anh trực tiếp lên nhà anh L3 lấy số tiền 110.000.000đ mà anh C vay của anh L3 để mua keo của gia đình anh. Khi anh lên nhà anh L3 lấy tiền thì không gặp anh L3 mà gặp anh L1 (em trai anh L3), anh L1 đã giao cho anh số tiền 110.000.000đ. Trong quá trình khai thác keo thì anh C là người trực tiếp thuê công nhân khai thác, còn anh C khai thác gỗ keo về bán lại cho những người nào thì anh không biết.

Tại bản tự khai, người làm chứng anh Lê Thế L1 trình bày: Khoảng vào năm 2021, anh Hà Văn T đến nhà anh để nhận số tiền 110.000.000đ. Số tiền này là do anh trai của anh là anh Lê Vĩnh L đưa cho anh và nói là tiền anh Ngô Văn C vay để mua đôi keo nhà anh T để khai thác về bán lại cho anh L nên khi anh T đến nhà anh đã đưa số tiền trên cho anh T. Lúc đến nhà thì anh T cũng có nói với anh là lên lấy tiền bán đám keo cho anh C.

Tại bản tự khai, người làm chứng anh Vi Văn H trình bày: Vào khoảng năm 2021, anh C có thuê anh mở đường vào đôi keo nhà anh T, do không làm ăn với anh C nhưng biết anh C bán gỗ keo cho anh L nên anh bảo anh C gọi điện cho anh L đứng ra nhận thanh toán tiền thì anh mới đồng ý làm. Anh C đã gọi điện cho anh L và anh L đồng ý sẽ thanh toán khi anh làm xong đường. Sau khi anh làm đường xong thì anh bàn giao cho anh C và cùng nhau lên nhà anh L để thanh toán số tiền khoảng gần 30.000.000đ. Số tiền này anh C nhận trực tiếp của anh L để thanh toán cho anh.

Tại bản tự khai, người làm chứng anh Hà Văn L2 trình bày: Khoảng năm 2021, anh được anh Ngô Văn C, địa chỉ tại bản N, xã Y, huyện L thuê vận chuyển gỗ keo cho anh C. Anh C có nói anh là mua keo của nhà anh T ở bản V, xã Y, huyện L. Anh C có thống nhất giá cước theo đầu tấn, 1 tấn giá 130.000đ, anh C có bảo anh vận chuyển keo đến nhà anh Lê Vĩnh L để cân, tiền cước xe anh không biết tại sao anh L lại trả cho anh. Thực tế việc mua bán gỗ keo giữa anh C với anh T giá bao nhiêu tiền thì anh không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 229; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Lê Vĩnh L.

Buộc anh Ngô Văn C phải trả cho anh Lê Vĩnh L số tiền gốc là 116.000.000đ (*Một trăm mười sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của anh Lê Vĩnh L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2024 bị đơn kháng cáo với nội dung:**

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bác kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Vĩnh L khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn C phải trả nợ cho anh L số tiền gốc còn nợ là 116.000.000đ nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định.

Bị đơn anh Ngô Văn C, có địa chỉ tại bản N, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh

Thanh Hoá theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn:

Tại Giấy vay tiền thể hiện nội dung: “Tôi là Ngô Văn C, Địa chỉ Bản Ngâm bóc, L, Thanh Hóa, tôi có vay chú Lê Vĩnh L, địa chỉ: Bản N, L, Thanh Hóa số tiền là 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng chẵn)”.

Tại cấp sơ thẩm: Anh L3 có giao nộp cho Tòa án tài liệu thể hiện các lần anh C vay ứng tiền và các phiếu cân gỗ keo từ đầu tháng 10 đến tháng 12 mà khách hàng là tên anh C; số phiếu cân gỗ keo này là anh C khai thác của đòi keo anh C mua của gia đình anh T về cân để bán lại cho anh L3. Khi anh L3 với anh C đối chiếu tiền của các lần vay và trừ đi tiền anh C bán gỗ keo cho anh L3, trong đó có cả số gỗ keo mà anh C khai thác của gia đình anh T về bán lại cho anh L3 thì anh L3 và anh C đã chốt lần cuối (Sau khi anh C khai thác đòi gỗ keo của gia đình anh T) là anh C còn nợ lại anh L3 tổng số tiền là 116.000.000đ, anh C nhất trí và ký vào giấy vay tiền.

Bị đơn là anh Ngô Văn C có thừa nhận trong giấy vay tiền là đúng chữ ký của anh nhưng thực chất số tiền đó anh không được cầm đồng nào, đây là tiền anh L3 mua gỗ keo của nhà anh T.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, anh C cũng thừa nhận từ khoảng năm 2019, anh C có vay tiền của anh L3 nhiều lần để đi mua gỗ keo về bán lại cho anh L3. Đối với giấy vay số tiền 116.000.000đ là số tiền được cộng dồn cả tiền anh C vay để mua đòi keo nhà anh T và tiền vay để trả tiền thuê nhà, chi phí khác của anh C.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Vĩnh L trình bày số tiền chốt lại anh C còn nợ anh 116.000.000đ là do anh C vay tiền của anh nhiều lần trước đó để đi mua gỗ keo về bán lại cho anh. Các lần vay tiền thì anh đều có ghi vào trong sổ theo dõi. Khi anh C mua đòi keo của gia đình anh T thì anh C lại tiếp tục vay số tiền 110.000.000đ, trong quá trình anh C khai thác gỗ keo nhà anh T về bán lại cho anh thì anh C vẫn tiếp tục vay nhiều lần tiền để chi phí phục vụ cho việc khai thác keo và chi tiêu cá nhân.

Anh Hà Văn T (chủ đòi keo) trình bày: anh C là người trực tiếp liên hệ, đi kiểm tra và thỏa thuận mua đòi keo của anh T với giá 110.000.000đ. Anh C có nói với anh là mua gỗ keo về bán lại cho anh L và anh C nói vay tiền của anh L để mua keo. Hai bên thống nhất với nhau số tiền anh C vay của anh L thì anh T sẽ đến nhận trực tiếp từ anh L để đảm bảo cho việc thanh toán tiền mua keo của anh C nên anh T đã đến nhà anh L lấy tiền trực tiếp từ anh Lê Thế L1 (em trai anh L);

Xét thấy: Tại cấp sơ thẩm các bên đã thống nhất, bị đơn công nhận đã ký vào giấy vay tiền, tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới

so với tài liệu đã thu thập tại cấp sơ thẩm, do đó anh L khởi kiện yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Vĩnh L yêu cầu anh Ngô Văn C phải trả nợ cho anh L số tiền gốc còn nợ là 116.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, ngày 05/7/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó anh L không yêu cầu anh C phải trả số tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng mà chỉ yêu cầu anh C phải trả nợ cho anh L số tiền gốc còn nợ là 116.000.000đ. Xét đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 của BLTTDS nên được cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy. Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo phúc thẩm không được chấp nhận, nên phải chịu án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

* **Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau: Buộc anh Ngô Văn C phải trả cho anh Lê Vĩnh L số tiền gốc là 116.000.000đ (*Một trăm mười sáu triệu đồng*).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của anh Lê Vĩnh L.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

sự.

2. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số BLTU/23 số 0006660 ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa (Bị đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Lang Chánh;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tân